

# Đánh giá sự phát triển thể lực của nam sinh viên trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh

TS. Nguyễn Đức Thành; ThS. Lê Thái Hùng ■

## TÓM TẮT:

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng thể lực của sinh viên (SV) nam Trường CĐ Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành Phố Hồ Chí Minh (TP HCM), đồng thời so sánh với Tiêu chuẩn đánh giá thể lực SV của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), từ đó làm cơ sở điều chỉnh nội dung, chương trình giảng dạy cho phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng thể chất SV ra trường, đáp ứng yêu cầu lao động của xã hội.

*Từ khóa: cao đẳng Lý Tự Trọng, phát triển, thể lực, sinh viên nam, TP.HCM...*

## ABSTRACT:

This study aimed to evaluate the physical condition of the male students in the College of Engineering Ly Tu Trong, Ho Chi Minh City, and compared with the standard fitness evaluation to students by the Ministry of Education and Training, from which to edit content, curriculum accordingly, contribute to improving the physical quality of the students after graduation and to meet the labor requirements of the society.

*Keywords: ly Tu Trong College, development, fitness, male student, HCMC...*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng (CĐKTLTT) TPHCM là một trường cao đẳng đa cấp của TPHCM, thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, phạm vi hoạt động của trường là đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cho TPHCM và các tỉnh lân cận. Quy mô, mục tiêu và chương trình đào tạo của trường gắn với nhu cầu nâng cao, bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật theo từng cấp, bậc học, đáp ứng về mặt chiến lược phát triển kinh tế xã hội, tạo khả năng khai thác nguồn lực xã hội, đồng thời mở ra nhiều cơ hội thuận lợi cho con em nhân dân và người lao động nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật, góp phần xây dựng thành công sự nghiệp công nghiệp hóa -



(Ảnh minh họa)

hiện đại hóa thành phố và khu vực phía Nam.

Nhưng hiện nay, trường vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào để xem xét, đánh giá sức khỏe thể chất của sản phẩm, nguồn nhân lực mình đào tạo ra. Chính vì thế, đề tài tiến hành nghiên cứu: “*Đánh giá sự phát triển thể lực của nam sinh viên trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh*” là rất cần thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở để đánh giá thể lực SV thường niên và là cơ sở để điều chỉnh, cải tiến chương trình giảng dạy, nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất học đường.

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài sử dụng một số phương pháp sau: phân tích tổng hợp tài liệu, phỏng vấn bằng phiếu, kiểm tra sư phạm và toán thống kê.

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đánh giá sự phát triển thể lực của nam SV trường CĐKT Lý Tự Trọng TP.HCM sau một năm học GDTC

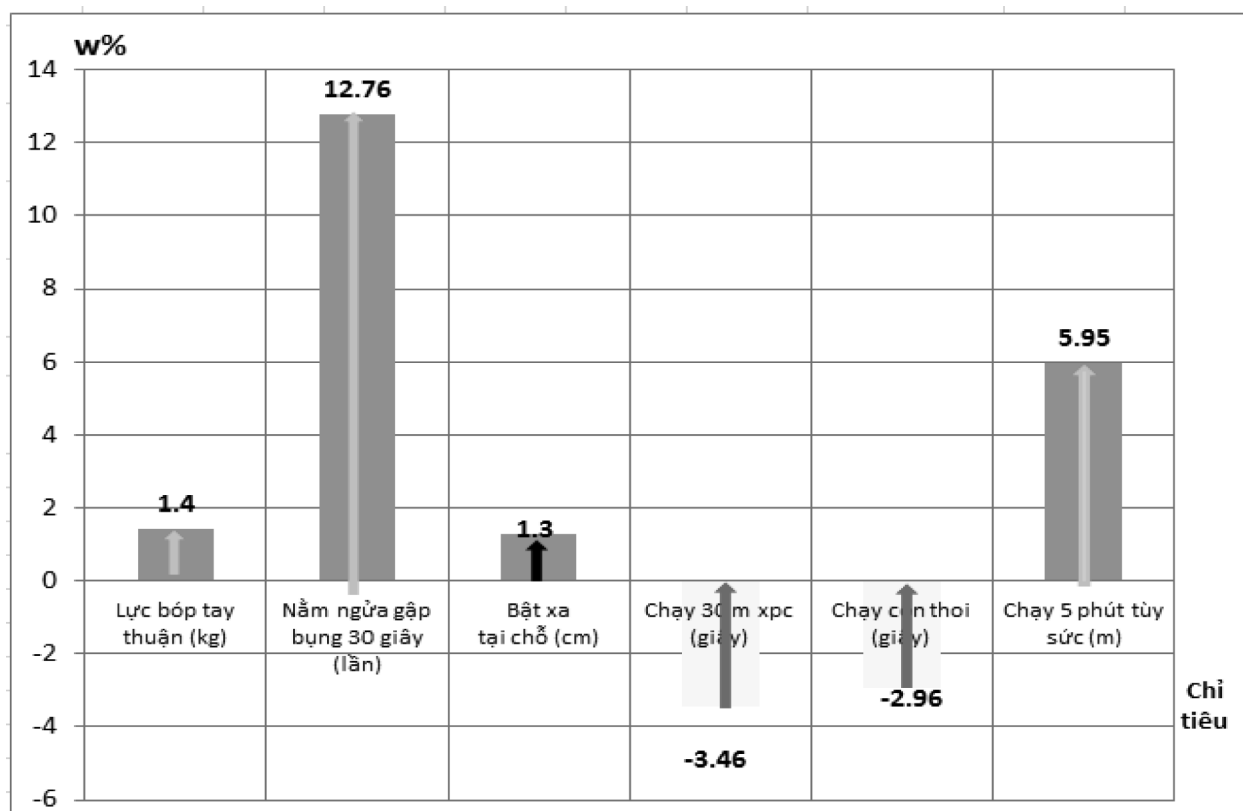
#### 2.1.1. Phân tích theo tổng thể

Để đánh giá hiệu quả của chương trình GDTC tác động đến sự phát triển thể lực cho SV trường CĐKT LTT sau một năm học giáo dục thể chất (GDTC), đề tài tiến hành so sánh giá trị trung bình ( $\bar{x}$ ) và tính nhịp tăng trưởng (W%) các test kiểm tra thể lực 400 SV của 4 khoa thuộc khóa đào tạo 2015 - 2018. Kết quả phân tích về nhịp tăng trưởng các test kiểm tra thể lực được trình bày tại bảng 1 và biểu đồ 1.

Qua bảng 1 và biểu đồ 1 cho thấy, các chỉ số thể lực của SV đều tăng sau một năm học GDTC. Trong đó: nằm ngửa gập bụng/30s có tỷ lệ tăng trưởng cao nhất là 12.76%, (chênh lệch giữa trước và sau mang ý nghĩa thống kê với  $p < 0.01$ ); kế đến là chạy 5 phút tùy sức tăng 5.95% ( $p < 0.01$ ); chạy 30m XPC tăng 3.46% ( $p < 0.01$ ); chạy con thoi 4x10m tăng 2.96% ( $p < 0.01$ ); riêng 2 test và bật xa tại chỗ và lực bóp tay thuận tăng không đáng kể với W% lần lượt là 1.3% và 1.4% (với  $p > 0.05$ ).

#### 2.1.2. Phân tích theo chuyên ngành học (khoa)

Vì là trường thiên về đào tạo kỹ thuật nên đa phần SV là nam giới, để đánh giá tác động của công tác



Biểu đồ 1. Nhịp tăng trưởng các chỉ tiêu thể lực của SV nam theo tổng thể

Bảng 1. So sánh sự phát triển thể lực của SV trường Cao đẳng Lý Tự Trọng sau một năm học GDTC (n = 400)

TT	Nội dung	Ban đầu				Sau 1 năm				t	P	W%
		$\bar{x}_1$	S	Cv%	$\epsilon$	$\bar{x}_2$	S	Cv%	$\epsilon$			
1	Lực bóp tay thuận (KG)	39.62	7.67	19.36	0.04	40.16	7.83	19.5	0.04	0.99	> 0.05	1.4
2	Nằm ngửa gập bụng 30s (lần)	20.11	3.81	18.95	0.04	22.85	4.3	57.57	0.04	9.54	< 0.01	12.76
3	Bật xa tại chỗ (cm)	209.66	23.85	11.38	0.02	212.4	24.28	11.43	0.02	1.61	> 0.05	1.3
4	Chạy 30 m XPC (s)	4.7	0.66	14.04	0.03	4.54	0.65	14.32	0.03	3.45	< 0.01	- 3.46
5	Chạy con thoi 4x10m (s)	11.3	0.82	7.26	0.01	10.97	0.8	7.29	0.01	5.76	< 0.01	- 2.96
6	Chạy 5 phút tùy sức (m)	840.26	127.66	15.19	0.03	891.75	135.67	15.21	0.02	5.53	< 0.01	5.95

GDTC đối với sự phát triển thể lực của SV, chúng tôi đã tiến hành lấy số liệu thực trạng thể lực của 400 SV nam (lấy số liệu dự phòng 450 SV).

Trong đó: khoa Công nghệ điện - điện tử: 100 SV; khoa Công nghệ cơ khí: 100 SV; khoa Công nghệ động lực: 100 SV khoa Công nghệ nhiệt lạnh: 100 SV.

Đây là những khoa đáp ứng tốt nhu cầu lao động xã hội nên có số lượng SV theo học rất đông đảo. Diễn biến nhịp tăng trưởng (W%) của các chỉ số thể lực của nam SV các khoa trường ĐCKT LTT được trình bày tại các bảng 2, 3, 4, 5. Cụ thể như sau:

*Khoa Công nghệ điện - điện tử (bảng 2):*

Giá trị các chỉ tiêu thể lực của SV đều có sự tăng tiến khác nhau sau khi học chương trình GDTC. Các

chỉ tiêu tăng trưởng nhiều nhất theo thứ tự là: Nằm ngửa gập bụng/30s có W% tăng 17.8% (sự khác biệt giá trị có ý nghĩa thống kê với  $p < 0.001$ ), chạy 5 phút tùy sức có W% tăng 3.9% ( $p < 0.05$ ), chạy con thoi 4x10m có W% tăng 3.7% ( $p < 0.001$ ), chạy 30 m XPC có W% tăng 2.9% ( $p < 0.05$ ) và bật xa tại chỗ (cm) có W% tăng 2.8% ( $p < 0.05$ ). Riêng chỉ tiêu lực bóp tay thuận không có sự gia tăng không đáng kể với W% chỉ tăng 1.2% ( $p > 0.05$ ).

*Khoa Công nghệ cơ khí (bảng 3):*

5/6 các chỉ tiêu thể lực của SV có giá trị tăng sau khi học chương trình GDTC nhưng chỉ có 3/6 chỉ tiêu là có sự khác biệt giá trị mang ý nghĩa thống kê với  $p < 0.01 - 0.001$ . Đáng lưu ý nhất là chỉ tiêu Nằm ngửa gập bụng/30s có W% tăng 11.3% (sự khác biệt giá trị có ý nghĩa thống kê với  $p < 0.001$ ). Ngược lại,

**Bảng 2. Thể lực của nam SV khoa Công nghệ điện - điện tử sau 1 năm học GDTC (n = 100)**

TT	Nội dung	Ban đầu		Sau 1 năm		t	p	W%
		$\bar{X}_1$	$\pm S$	$\bar{X}_2$	$\pm S$			
1	Lực bóp tay thuận (KG)	38.25	7.6	38.73	8.14	0.56	> 0.05	1.2
2	Nằm ngửa gập bụng/30s (số lần)	20.26	3.98	24.21	4.56	7.8	< 0.001	17.8
3	Bật xa tại chỗ (cm)	200.3	24.85	206.05	25.1	2.24	< 0.05	2.8
4	Chạy 30 m XPC (s)	5.23	4.56	5.08	4.5	2.33	< 0.05	-2.9
5	Chạy con thoi 4x10m (s)	11.51	0.84	11.09	0.82	3.41	< 0.001	-3.7
6	Chạy 5 phút tùy sức (m)	839.09	117.88	872.14	150.17	1.99	< 0.05	3.9

**Bảng 3. Thể lực của nam SV khoa Công nghệ cơ khí sau một năm học GDTC (n = 100)**

TT	Nội dung	Ban đầu		Sau 1 năm		t	p	W%
		$\bar{X}_1$	$\pm S$	$\bar{X}_2$	$\pm S$			
1	Lực bóp tay thuận (KG)	40.41	6.87	40.64	7.17	0.48	> 0.05	0.6
2	Nằm ngửa gập bụng/30s (số lần)	20.36	3.66	22.79	3.80	6.15	< 0.001	11.3
3	Bật xa tại chỗ(cm)	212.68	21.08	212.87	23.80	0.13	> 0.05	0.1
4	Chạy 30 m XPC(s)	4.6	0.60	4.39	0.53	0.58	> 0.05	6.1
5	Chạy con thoi 4x10m(s)	11.07	0.76	10.82	0.78	3.34	< 0.001	-2.3
6	Chạy 5 phút tùy sức(m)	836.76	138.82	867.83	132.03	3.05	< 0.01	3.6

**Bảng 4. Thể lực của nam SV khoa Công nghệ động lực sau một năm học GDTC (n = 100)**

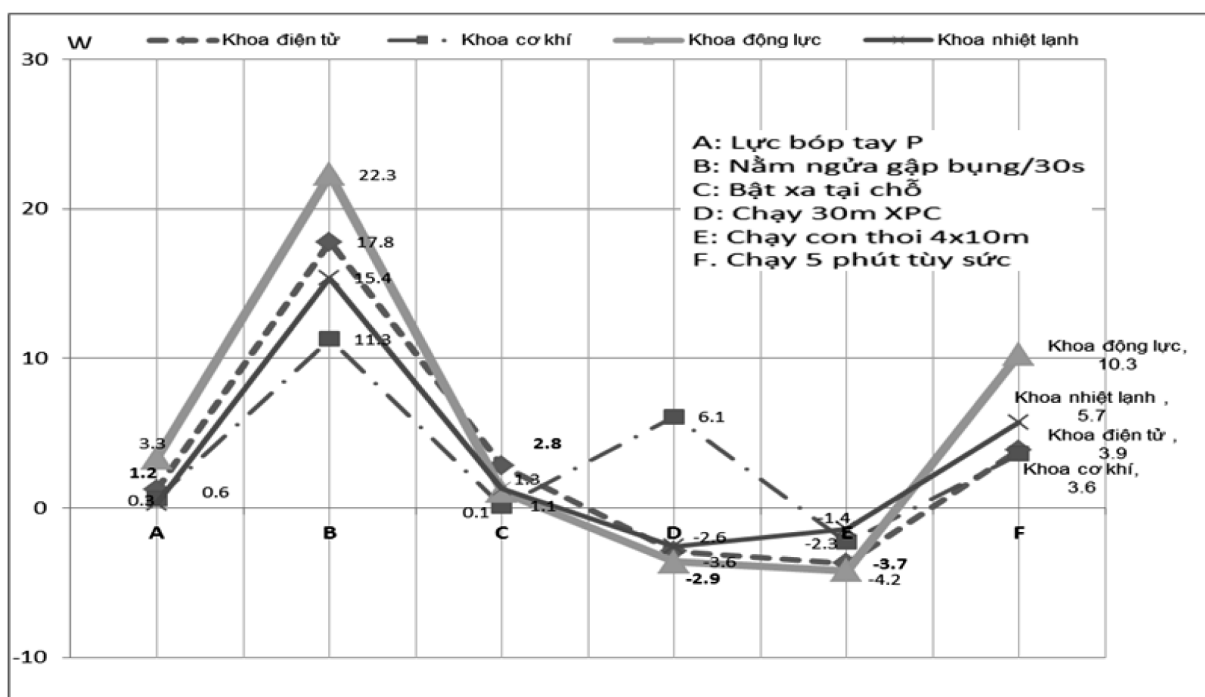
TT	Nội dung	Ban đầu		Sau 1 năm		t	p	W%
		$\bar{X}_1$	$\pm S$	$\bar{X}_2$	$\pm S$			
1	Lực bóp tay thuận (KG)	39.22	7.66	40.55	7.94	2.7	< 0.01	3.3
2	Nằm ngửa gập bụng/30 s (lần)	19.84	4.09	24.81	20.67	2.44	< 0.05	22.3
3	Bật xa tại chỗ (cm)	214.37	22.97	216.71	24.67	1.57	> 0.05	1.1
4	Chạy 30 m XPC (s)	4.79	0.68	4.62	0.69	1.15	> 0.05	- 3.6
5	Chạy con thoi 4x10m (s)	11.48	0.81	11.01	0.78	2.39	< 0.05	- 4.2
6	Chạy 5 phút tùy sức (m)	845.86	134.83	938.14	134.04	5.42	< 0.001	10.3

**Bảng 5. Thể lực của nam SV khoa Công nghệ nhiệt lạnh sau một năm học GDTC (n = 100)**

TT	Nội dung	Ban đầu		Sau 1 năm		t	p	W%
		$\bar{X}_1$	$\pm S$	$\bar{X}_2$	$\pm S$			
1	Lực bóp tay thuận (KG)	40.59	8.36	40.70	7.96	0.26	> 0.05	0.3
2	Nằm ngửa gập bụng/30s (số lần)	19.96	3.51	23.29	17.03	1.92	> 0.05	15.4
3	Bật xa tại chỗ (cm)	211.27	24.09	213.96	22.46	2.53	< 0.05	1.3
4	Chạy 30 m XPC (s)	4.61	0.53	4.49	0.53	4.75	< 0.001	- 2.6
5	Chạy con thoi 4x10m (s)	11.13	0.77	10.97	0.81	3.42	< 0.001	- 1.4
6	Chạy 5 phút tùy sức (m)	839.32	119.52	888.87	114.39	5.51	< 0.001	5.7

**Bảng 6. Sự tăng trưởng thể lực của SV các khoa của trường CDKT Lý Tự Trọng**

TT	Chỉ tiêu	W%			
		Khoa điện tử (n = 100)	Khoa cơ khí (n = 100)	Khoa động lực (n = 100)	Khoa nhiệt lạnh (n = 100)
1	Lực bóp tay P (KG)	1.2	0.6	3.3	0.3
2	Nằm ngửa gập bụng/30s (số lần)	17.8	11.3	22.3	15.4
3	Bật xa tại chỗ (cm)	2.8	0.1	1.1	1.3
4	Chạy 30m XPC (s)	- 2.9	6.1	- 3.6	- 2.6
5	Chạy con thoi 4x10m (s)	- 3.7	-2.3	- 4.2	- 1.4
6	Chạy 5 phút tùy sức (m)	3.9	3.6	10.3	5.7


**Biểu đồ 2. Nhịp tăng trưởng thể chất sau một năm học GDTC của SV các khoa**

chỉ tiêu Chạy 30m XPC có sự tăng trưởng giảm 6.1%.

Khoa Công nghệ động lực

Qua bảng 4 cho thấy, có 4/6 chỉ số thể lực của SV khoa Công nghệ động lực tăng sau khi học chương trình GDTC, sự khác biệt giá trị mang ý nghĩa thống

kê với  $p < 0.05 - 0.001$ . Cụ thể như: Nằm ngửa gập bụng/30s tăng cao nhất với  $W\% = 22.3$  ( $p < 0.05$ ), kế tiếp là Chạy 5 phút tùy sức tăng 10.3% ( $p < 0.001$ )...Có 2 chỉ tiêu thể lực tăng trưởng thấp và không có sự khác biệt về giá trị ( $p > 0.05$ ) là bật xa

**Bảng 7. Tổng hợp thực trạng thể lực của SV Trường CĐKT Lý Tự Trọng trước và sau khi học GDTC so với tiêu chí kiểm tra đánh giá của Bộ GD&ĐT(QĐ Số: 53/2008/QĐ-BGDĐT)**

TT	Chỉ tiêu	Ban đầu (n = 400) [Đối sánh với lứa tuổi 18]				Sau 1 năm (n = 400) [Đối sánh với lứa tuổi 19]			
		Đạt		Không đạt		Đạt		Không đạt	
		ni	%	ni	%	ni	%	ni	%
1	Lực bóp tay thuận (KG)	176	44	224	56	167	41.75	233	58.25
2	Nằm ngửa gập bụng/ 30 giây (lần)	360	90	40	10	372	93	28	7
3	Bật xa tại chỗ (cm)	242	60.5	158	39.5	261	60.75	139	39.25
4	Chạy 30 m XPC (s)	371	92.72	29	7.25	334	83.5	66	16.5
5	Chạy con thoi 4x10m (s)	367	91.75	33	8.25	384	96	16	4
6	Chạy 5 phút tùy sức (m)	75	18.75	325	81.25	134	33.5	266	66.5
<b>Số SV đạt 6/6 chỉ tiêu</b>		<b>Số lượng</b>		27		50			
		<b>%</b>		<b>6.75</b>		<b>12.5</b>			

tại chỗ với W% = 1.1 và chạy 30 m XPC W% = 3.6 (bảng 4).

Khoa Công nghệ nhiệt lạnh

Qua bảng ghi nhận được, các chỉ số thể lực của SV khoa Công nghệ nhiệt lạnh đều tăng sau khi học chương trình GDTC. Tuy nhiên chỉ có 4/6 chỉ tiêu là có sự khác biệt giá trị mang ý nghĩa thống kê ( $p < 0.05$  -  $p < 0.001$ ), đáng kể nhất là các chỉ tiêu: Nằm ngửa gập bụng/30s có W% tăng 15.4% ( $p > 0.05$ ), Chạy 5 phút tùy sức có W% tăng 5.7% ( $p < 0.001$ ) và chỉ tiêu có sự tăng trưởng thấp nhất là Lực bóp tay thuận với W% chỉ tăng 0.3% ( $p > 0.05$ ).

**2.1.3. So sánh sự tăng trưởng thể lực của SV giữa các khoa trường CĐ Kỹ Thuật Lý Tự Trọng sau một năm học GDTC**

Nhằm tìm hiểu mức độ tác động của chương trình GDTC đến sự tăng trưởng thể lực theo từng khoa đặc trưng của SV trường CĐKT Lý Tự Trọng, nghiên cứu đã tiến hành so sánh nhịp tăng trưởng về thể lực của SV giữa các khoa sau một năm học GDTC. Kết quả được trình bày tại bảng 6 và biểu đồ 2.

Qua phân tích sự phát triển thể lực sau một năm học theo tổng thể cho thấy, đa số SV nam Trường CĐKT Lý Tự Trọng TP.HCM có chỉ số thể lực tăng trưởng mạnh ở các test chạy. Còn khi phân tích theo chuyên ngành học (theo khoa) cho thấy, SV Khoa Công nghệ điện - điện tử vượt trội SV các khoa khác về chỉ số bật xa tại chỗ khi chỉ tiêu này tăng 2.8% sau một năm học; Đặc biệt, SV khoa công nghệ động lực có số chỉ tiêu thể lực tăng chiếm áp đảo so với 3 khoa còn lại khi có 5/6 chỉ tiêu có W% tăng cao nhất. SV hai khoa công nghệ cơ khí và công nghệ nhiệt lạnh có các chỉ số tăng trưởng thấp hơn.

Sự phát triển của sản xuất công nghiệp đòi hỏi các

nhu cầu vận chuyển hàng hóa với số lượng nhiều, tải trọng lớn, song song đó là nhu cầu di chuyển không có giới hạn của con người. Và ngành cơ khí động lực đã phát triển lớn mạnh nhằm đáp ứng cho hệ thống vận chuyển đồ sộ của xã hội. Từ đó, có thể là do đặc thù công việc, ngành học, trong quá trình thực tập phải thường xuyên sử dụng tay chân cho các công việc nặng nhọc, đòi hỏi sức mạnh cơ bắp như: khiêng vác, điều khiển, lắp ráp... mà SV học ngành công nghệ cơ khí động lực có sự vượt trội về thể lực hơn so với SV những ngành khác. Như vậy, cần có sự quan tâm, thay đổi nội dung, bài tập GDTC hay có những hoạt động bổ trợ ngoại khóa để nâng cao thể lực đồng đều cho SV ở các khoa.

**2.2. Đối sánh với Tiêu chuẩn đánh giá thể lực SV của Bộ GD&ĐT**

**2.2.1. Kết quả đánh giá trước khi học GDTC**

Kết quả tổng hợp so sánh thể hiện tại bảng 7 cho thấy:

Xét riêng lẻ từng chỉ tiêu, thì SV trường có 4/6 chỉ tiêu đạt với tỉ lệ đạt từ 60.5% đến 92.7% (bao gồm: nằm ngửa gập bụng/30s; Bật xa tại chỗ; chạy 30 m XPC và chạy con thoi 4x10m). Hai chỉ tiêu còn lại là lực bóp tay thuận và chạy 5 phút tùy sức có tỉ lệ % SV đạt đều dưới mức 50%.

Xét theo tổng thể (cả 6 chỉ tiêu), thì trước khi học GDTC chỉ có 27/400SV chiếm tỉ lệ 6.75% là đáp ứng đủ yêu cầu thành tích của cả 6 chỉ tiêu thể lực của Bộ GD&ĐT. Tỷ lệ không đạt yêu cầu chiếm đến 93.25%. Như vậy, có thể thấy trước khi học GDTC, tỷ lệ SV nam Trường CĐKT Lý Tự Trọng đạt yêu cầu về xếp loại kiểm tra đánh giá thể lực của SV theo qui định của Bộ GD&ĐT là rất thấp.

### 2.2.2. Kết quả đánh giá sau khi học GDTC

Xét riêng lẻ, kết quả thể hiện tại bảng 7 cho thấy, sau khi học GDTC, cũng có 4/6 chỉ tiêu (như trước khi học GDTC) SV Trường đạt với tỷ lệ đạt từ 60.75% đến 96%.

Xét theo tổng thể, thì sau khi học GDTC đã có 50/400SV chiếm tỷ lệ 12.5% là đáp ứng đủ yêu cầu thành tích của 6 chỉ tiêu thể lực của Bộ GD&ĐT. Tỷ lệ không đạt yêu cầu chiếm đến 87.5%. Rõ ràng, sau khi học GDTC, tỷ lệ SV nam trường CĐKT LTT đạt yêu cầu về xếp loại kiểm tra đánh giá thể lực của SV theo qui định của Bộ GD&ĐT có chiều hướng tăng lên rõ rệt.

Trong Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, Tổng Bí thư Đỗ Mười đã nhấn mạnh: “Sự cường tráng về thể chất là nhu cầu của bản thân con người, đồng thời là vốn quý để tạo ra tài sản trí tuệ và vật chất cho xã hội”. Nhưng với thực tế chỉ có khoảng 1/8 trong 400 số lượng SV khảo sát đạt 6/6 chỉ tiêu thể lực theo tiêu chuẩn kiểm tra đánh giá của Bộ GD&ĐT thì thật đáng báo động. Phải chăng nhà trường chưa chú trọng nhiều đến công tác rèn luyện thể chất cho người học hay SV chưa có ý thức, nhu cầu, động cơ để trở thành người thợ hoàn mỹ vừa hồng vừa chuyên?

Kết quả này cũng để lại một nỗi băn khoăn là, với một trường thiên về đào tạo nghề mà tỷ lệ SV đạt yêu cầu thể lực theo quy định chung chỉ ở mức 13% là quá khiêm tốn. Điều này có thể là do nhiều nguyên nhân (chủ quan lẫn khách quan) như: chất lượng thể chất đầu vào của SV; chương trình GDTC thiết kế, xây dựng cho SV trường chưa hợp lý, cần cải tiến hoặc CSVC, trang thiết bị tập luyện chưa đáp

ứng yêu cầu dạy và học... Đây là vấn đề cần nhà trường có sự quan tâm, chỉ đạo khẩn trương, đúng mức để cải thiện, nâng cao thể lực đồng bộ cho đội ngũ lao động nghề trong tương lai.

### 3. KẾT LUẬN

Kết quả kiểm tra thể lực ban đầu của SV các khoa cho thấy: thể lực SV giữa các khoa trong trường là không tương đồng.

Đánh giá sự phát triển thể lực của SV nam sau một năm học GDTC ghi nhận được: về tổng thể, đa số các nam SV có chỉ số thể lực tăng mạnh (năm giữa gập bụng/30s tăng trưởng cao nhất là 11.77% và test chạy 5 phút tùy sức tăng 5.79%), các chỉ số thể lực còn lại có tỷ lệ tăng trưởng không đáng kể. Về ngành học (theo khoa) cho thấy, SV các khoa đều có sự tăng trưởng mạnh ở chỉ tiêu năm giữa gập bụng/30s (với W% tăng từ 11.3 - 17.8%). Nổi trội hơn cả là SV khoa Động lực có số chỉ tiêu thể lực chiếm áp đảo so với 3 khoa còn lại khi có 5/6 chỉ tiêu còn lại có W% tăng cao nhất. SV khoa Công nghệ điện - điện tử vượt trội SV các khoa khác về chỉ số Bật xa tại chỗ khi chỉ tiêu này tăng 2.8% sau một năm học; còn SV khoa công nghệ nhiệt lạnh có các chỉ số tăng trưởng trung bình.

So sánh theo qui định xếp loại, đánh giá thể lực HS, SV của Bộ GD&ĐT thì thể lực ban đầu của SV trường CĐKT Lý Tự Trọng chỉ đạt khoảng 7% còn sau một năm học GDTC chỉ đạt tỉ lệ rất khiêm tốn là 13%. Đây là một thực trạng đáng báo động về thể lực cho SV một trường đào tạo nghề. Đòi hỏi nhà trường và bộ môn GDTC cần đặc biệt lưu tâm để có phương hướng cải thiện.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT (1996), *Định hướng phát triển GD&ĐT từ nay đến năm 2020*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Bộ GD&ĐT, *Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 Ban hành Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực HS, SV*.
3. Nguyễn Trọng Hải, Vũ Đức Thu (1993), “*Đánh giá tình trạng thể lực của HS các trường dạy nghề*”, *Tuyển tập nghiên cứu khoa học giáo dục sức khỏe, thể chất trong nhà trường các cấp (lần I)*, Nxb TĐTT, Hà Nội, tr.169 - 170.
4. Lê Văn Lãm, Vũ Đức Thu, Nguyễn Trọng Hải, Vũ Bích Huệ (2000), *Thực trạng phát triển thể chất của HS, SV trước thềm thế kỷ 21*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
5. Nguyễn Quang Vinh (2001), “*Nghiên cứu thực trạng phát triển thể chất của thanh niên các trường Đại học, Cao đẳng và dạy nghề khu vực TP.HCM*”, Đề tài cấp thành phố.

*Nguồn bài báo: trích từ luận văn thạc sĩ K.18 Trường ĐH TĐTT TP HCM. “Sự phát triển thể lực của nam sinh viên trường cao đẳng kỹ thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh”, ThS. Lê Thái Hùng.*

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 16/10/2017; ngày phản biện đánh giá: 12/12/2017; ngày chấp nhận đăng: 9/1/2018)*